

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **177/2021/HS-ST**

Ngày: 17-9-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Đăng Khánh Phụng;

Ông Tuấn D2 Hải Long.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị H4 – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 143/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Hoàng Văn T;** sinh ngày 12 tháng 3 năm 1999, tại Hải Phòng; Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, Phường H, Quận D, thành phố Hải Phòng; nơi ở: 40 đường T, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

**2. Thái Quốc V;** sinh ngày 04 tháng 9 năm 1999, tại Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; nơi ở: 40 đường T, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Hữu M, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh **Văn Thành B**, nơi cư trú: 100/17 đường N, phường B, thành phố Đ,

tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

2. Anh **Tạ Hữu T1**, nơi cư trú: 27 đường P, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

3. Chị **Đinh Thị V1**, nơi cư trú: 37A đường T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

4. Chị **Chu Thị H**, nơi cư trú: 87A đường M, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở: 20 đường P, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

5. Anh **Đinh Hữu Q**, nơi cư trú: Khu phố 6, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nơi ở: 40A đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

6. Chị **Đào Lê Ngọc T2**, nơi cư trú: 15/8/4 đường H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

7. Chị **Lê Thị Hồng N**, nơi cư trú: D9-C5 đường N, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

8. Chị **Lương Thị Hương D**, nơi cư trú: 87 đường C, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

9. Anh **Nguyễn Hoài N1**, nơi cư trú: 02 đường T, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

10. Chị **Lò Thiệu Mai T3**, nơi cư trú: 18/65 đường Đ, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở: A36 đường N, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

11. Anh **Nguyễn Đăng K**, nơi cư trú: 38/17 đường H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

12. Anh **Nguyễn Vũ H2**, nơi cư trú: 45C đường C, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

13. Bà **Trần Thị Thanh T4**, nơi cư trú: 164 đường H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

14. Bà **Phạm Thị N2**, nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

15. Anh **Vũ Anh T5**, nơi cư trú: 9B đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

16. Chị **Lê Thị Hoàng D1**, nơi cư trú: 68B đường C, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

17. Anh **Nguyễn Văn H3**, nơi cư trú: Tổ A, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

18. Bà **Trần Thị Kim L**, nơi cư trú: 78 đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

19. Anh **Mai Văn P**, nơi cư trú: 50/1 đường B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*)

20. Chị **Ninh Thị Lệ X**, nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*)

- *Người làm chứng:*

1. Chị Doãn Thị H4; (*Vắng mặt*)

2. Chị Huỳnh Thuỳ Y. (*Vắng mặt*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Tuấn D2, Vũ Huy B1 cùng Hoàng Văn T và Thái Quốc V quen biết nhau và thuê nhà tại địa chỉ 40 đường T, phường I, thành phố Đ để làm chỗ ở và cùng tổ chức hoạt động cho người dân trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng vay tiền với mức lãi suất cho vay từ 21% đến 72%/tháng/khoản vay. Các đối tượng này thuê nhiều người giúp sức trong hoạt động cho vay, trong đó có Doãn Thị H4, Huỳnh Thuỳ Y là người sử dụng điện thoại liên lạc với nhiều người khác để tìm người có nhu cầu vay tiền. Sau khi xác định người có nhu cầu vay tiền, những đối tượng nữ này tư vấn rồi đưa danh sách cho D2, B1, T, V để các đối tượng này trực tiếp làm việc, xác minh đối với người vay rồi làm thủ tục cho vay tiền.

Phạm Tuấn D2 phân công cho Hoàng Văn T và Thái Quốc V lưu trữ hồ sơ của người vay tiền, gọi điện nhắc trả nợ và trực tiếp thu tiền của người vay giao lại cho D2 và B1. Mỗi tháng V và T được D2 trả công từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Khi cho vay, các đối tượng yêu cầu người vay tiền viết giấy vay và giữ các giấy tờ như: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, bằng lái xe, giấy khai sinh.... mục đích để đảm bảo cho việc trả nợ của người vay.

Ngày 27/11/2020, khi Hoàng Văn T và Thái Quốc V đang thu tiền lãi của bà Lương Thị Hương D tại địa chỉ 16 đường L, phường H, thành phố Đ thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt phát hiện bắt quả tang và thu giữ cùng tang vật gồm:

- 03 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng là 1.500.000 đồng tiền gốc, lãi do bà D trả cho T và V.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 có gắn sim số 0917.405.904;

- 23 bộ hồ sơ vay tiền của 23 người gồm: Văn Thành B, Tạ Hữu T, Đinh Thị V1, Chu Thị H, Đinh Hữu Q, Đào Lê Ngọc T2, Lê Thị H5, Lê Thị Hồng N, Lương Thị Hương D, Nguyễn Hoài N1, Lò Thiều Mai T3, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Vũ H2, Ninh Thị Lệ X, Trần Thị Thanh T4, Phạm Thị N2, Vũ Anh T5, Lê Thị Hoàng D1, Nguyễn Văn H3, Trần Thị Kim L, Mai Văn P, Lê Thị Thanh H4, Đỗ Tiến D3.

Khám xét khẩn cấp nơi ở và làm việc của Hoàng Văn T, Thái Quốc V, Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 (một) thùng chứa các tờ giấy (loại giấy A3, A4) danh bạ điện thoại của các khách hàng;
- 05 (năm) cuốn vở có kích thước 20,5 cm x 15,5 cm;
- 14 (mười bốn) tờ giấy A4 có nội dung giới thiệu hình thức cho vay tiền, mức lãi suất.
- 06 (sáu) điện thoại di động hiệu Forme màu đen và màu đỏ;

Thu giữ của Hoàng Văn T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX màu vàng; 01 (một) căn cước công dân tên Hoàng Văn T; 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank số 9704368620637843011 và 01 (một) thẻ ngân hàng ACB số 9704162468701683 tên Hoàng Văn T.

Thu giữ của Thái Quốc V: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen; 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 1202 màu đen; 01 (một) căn cước công dân và 01 (một) thẻ ngân hàng MB Bank số 9704222064677073 tên Thái Quốc V.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 08/2020 đến tháng 12/2020, Hoàng Văn T thực hiện cho 20 người và Thái Quốc V thực hiện cho 17 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Anh Văn Thành B vay tiền của các đối tượng 02 lần, cụ thể:

- *Lần 1*: Ngày 25/10/2020, anh B vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 500.000 đồng/ngày trong 26 ngày, với mức lãi suất là 46%/tháng, anh B đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 144.444 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 2.855.556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.855.556 đồng.

- *Lần 2*: Ngày 23/11/2020, anh B vay số tiền gốc là 15.000.000 đồng, trả trong vòng 10 ngày, mỗi ngày trả lãi 360.000 đồng, với mức lãi suất 72%/tháng. Anh B đã trả được 10 ngày tiền lãi là 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 83.333 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 3.516.667 đồng), còn lại 15.000.000 đồng nợ gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.516.667 đồng.

Do không có khả năng trả nợ tiền gốc 15.000.000 đồng ở khoản vay lần thứ hai nên anh B thỏa thuận trả góp gốc và lãi cho các đối tượng trong vòng 26 ngày, mỗi ngày trả 750.000 đồng, với mức lãi suất 35%/ tháng. Anh B đã trả được 3 ngày với số tiền gốc và lãi là 2.250.000 đồng (tiền gốc 1.730.769 đồng, tiền lãi hợp pháp 25.000 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 494.231 đồng); còn lại 13.125.000 đồng tiền gốc anh B chưa trả xong. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 494.231 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho anh B vay là 25.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 35% đến 72%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 7.866.453 đồng.

2. Anh Tạ Hữu T1 vay của các đối tượng 2 lần, cụ thể:

- *Lần 1*: Ngày 28/10/2020, anh T1 vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, phí dịch vụ là 3.000.000 đồng, trả gốc và lãi là 1.200.000 đồng/ngày trong 33 ngày, với mức lãi suất là 38%/tháng. Anh T1 đã trả xong tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi 9.600.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 550.000 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 9.050.000 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 12.050.000 đồng;

- *Lần 2*: Ngày 20/11/2020, anh T1 vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, phí dịch vụ là 900.000 đồng, trả gốc và lãi 1.200.000 đồng/ngày trong 33 ngày, với mức lãi suất là 32%/tháng. Anh T1 đã trả được 6 ngày với số tiền gốc và lãi là 7.200.000 đồng (tiền gốc 5.454.545 đồng, tiền lãi hợp pháp 100.000 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 1.645.455 đồng); còn lại 24.545.455 đồng tiền nợ gốc anh T1 chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 2.545.455 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho anh T1 vay là 60.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 32% đến 38%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 14.595.455 đồng.

3. Chị Đinh Thị V1 vay số tiền gốc là 7.000.000 đồng vào ngày 13/11/2020, trả góp trong 24 ngày, trả gốc và lãi 350.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 25%/tháng. Chị V1 đã trả được 13 ngày gốc và lãi với số tiền là 4.550.000 đồng (tiền gốc 3.791.667 đồng, tiền lãi hợp pháp 50.556 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 707.778 đồng); còn lại 3.208.333 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 707.778 đồng.

4. Bà Chu Thị H vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng vào ngày 20/11/2020, trả góp trong vòng 25 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 30%/tháng. Bà H đã trả được 7 ngày gốc và lãi với số tiền 3.500.000 đồng (tiền gốc 2.800.000 đồng, tiền lãi hợp pháp 38.889 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 661.111 đồng); còn lại 7.200.000 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 661.111 đồng.

5. Anh Đinh Hữu Q vay số tiền gốc là 25.000.000 đồng vào ngày 27/10/2020, phí dịch vụ là 2.000.000 đồng, trả góp trong vòng 42 ngày, trả gốc và lãi 750.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 24%/tháng. Anh Q đã trả được 32 ngày gốc và lãi với số tiền là 24.000.000 đồng (tiền gốc 19.047.619 đồng, tiền lãi hợp pháp 444.444 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 4.507.937 đồng); còn lại 5.952.381 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 6.507.937 đồng.

6. Chị Đào Lê Ngọc T2 vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng vào ngày 27/9/2020, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trả góp trong vòng 26 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 46%/tháng. Chị T2 đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 144.444 đồng, tiền lãi không hợp pháp là 2.855.556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.855.556 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

7. Chị Lê Thị Hồng N vay tiền 04 lần, cụ thể:

-*Lần 1*: Ngày 14/9/2020, vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ ngày, với mức lãi suất là 38%/ tháng. Chị N đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 133.333 đồng, tiền lãi không hợp pháp là 1.866.667 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 2.866.667 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

-*Lần 2*: Ngày 6/10/2020, vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ ngày, với mức lãi suất là 38%/ tháng. Chị N đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 133.333 đồng, tiền lãi không hợp pháp là 1.866.667 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 2.866.667 đồng.

-*Lần 3*: Ngày 25/10/2020, vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ ngày, với mức lãi suất là 38%/ tháng. Chị N đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 133.333 đồng, tiền lãi không hợp pháp là 1.866.667 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 2.866.667 đồng.

-*Lần 4*: Ngày 20/11/2020, vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, không thu phí dịch vụ, trả góp trong 24 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ ngày, với mức lãi suất là 25%/ tháng. Chị N đã trả được 05 ngày gốc và lãi với số tiền là 2.500.000 đồng (tiền gốc 2.083.333 đồng, tiền lãi hợp pháp 27.778 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 388.889 đồng); còn lại 7.916.667 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 388.889 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho chị N vay là 40.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 25% đến 38%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 8.988.889 đồng.

8. Chị Lương Thị Hương D vay số tiền gốc 10.000.000 đồng vào ngày 28/10/2020, phí dịch vụ là 500.000 đồng, trả góp trong 35 ngày, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 39%/ tháng. Chị D đã trả được 31 ngày gốc và lãi với số tiền là 12.400.000 đồng (tiền gốc 8.857.143 đồng, tiền lãi hợp pháp 172.222 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 3.370.635 đồng); còn lại 1.142.857 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.870.635 đồng.

9. Anh Nguyễn Hoài N1 vay tiền của các đối tượng 02 lần:

- *Lần 1*: Ngày 24/9/2020, vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 46%/ tháng. Anh N1 đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 144.444 đồng, tiền lãi không hợp pháp là 2.855.556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.855.556 đồng. (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

-*Lần 2*: Ngày 21/10/2020, vay số tiền gốc là 15.000.000 đồng, phí dịch vụ là 1.400.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi trả 750.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 45%/tháng. Anh N1 đã trả được 21 ngày gốc và lãi với số tiền 15.750.000

đồng (tiền gốc 12.115.385 đồng, tiền lãi hợp pháp 175.000 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 3.459.615 đồng); còn lại 2.884.615 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 4.859.615 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho anh N1 vay là 25.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 45% đến 46%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 8.715.171 đồng.

#### 10. Chị Lò Thiều Mai T3 vay tiền của các đối tượng 5 lần:

- *Lần 1*: Ngày 15/9/2020, vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 500.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 40%/tháng. Chị T3 đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 144.444 đồng, tiền lãi không hợp pháp là 2.855.556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.355.556 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

- *Lần 2*: Đầu tháng 10/2020, chị T3 vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 500.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 40%/tháng. Chị T3 đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 144.444 đồng, tiền lãi không hợp pháp là 2.855.556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.355.556 đồng.

- *Lần 3*: Ngày 17/10/2020, chị T3 vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 500.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 40%/tháng. Chị T3 đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 144.444 đồng, tiền lãi không hợp pháp là 2.855.556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.355.556 đồng.

- *Lần 4*: Cuối tháng 10/2020, chị T3 vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 500.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 40%/tháng. Chị T3 đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 144.444 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 2.855.556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.355.556 đồng.

- *Lần 5*: Giữa tháng 11/2020, chị T3 vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 500.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 40%/tháng. Chị T3 đã trả được 14 ngày gốc và lãi với số tiền 7.000.000 đồng (tiền gốc 5.384.615 đồng, tiền lãi hợp pháp 77.778 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 1.537.607 đồng); còn 4.615.385 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 2.037.607 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho chị T3 vay là 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 40%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 15.459.829 đồng.

11. Anh Nguyễn Đăng K vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng vào ngày 24/10/2020, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất 58%/tháng. Anh K đã trả được 2 ngày với số tiền là 500.000 đồng, (tiền gốc 384.615 đồng, tiền lãi hợp pháp 5.556 đồng, tiền lãi

vượt quá quy định là 109.829 đồng); còn lại 4.615.385 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 1.109.829 đồng.

12. Anh Nguyễn Vũ H2 vay của các đối tượng 04 lần:

-*Lần 1*: Ngày 20/8/2020, anh H2 số tiền gốc 20.000.000 đồng, phí dịch vụ là 2.000.000 đồng; trả góp trong 27 ngày, trả gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 50%/ tháng. Anh H2 đã trả xong tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 7.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 300.000 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 6.700.000 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 8.700.000 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

-*Lần 2*: Ngày 11/9/2020, anh H2 vay số tiền gốc 25.000.000 đồng, phí dịch vụ là 1.250.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, trả gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 31%/tháng. Anh H2 đã trả xong tiền gốc 25.000.000 đồng, tiền lãi 7.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 444.444 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 6.555,556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 7.805.556 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

-*Lần 3*: Ngày 04/11/2020, anh H2 vay số tiền gốc 25.000.000 đồng, phí dịch vụ là 1.250.000 đồng, trả góp trong 32 ngày, trả gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 31%/tháng. Anh H2 đã trả xong tiền gốc 25.000.000 đồng, tiền lãi 7.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 444.444 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 6.555,556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 7.805.556 đồng.

-*Lần 4*: Ngày 24/11/2020, anh H2 vay số tiền gốc 25.000.000 đồng, không thu phí dịch vụ, trả góp trong 32 ngày, trả gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 26%/tháng. Anh H2 đã trả được 9 ngày tiền gốc và lãi với số tiền 9.000.000 đồng (tiền gốc 7.031.250 đồng, tiền lãi hợp pháp 125.000 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 1.843.750 đồng); còn số tiền 17.968.750 đồng nợ gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 1.843.750 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho anh H2 vay là 95.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 26% - 31%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 26.154.861 đồng.

13. Bà Trần Thị Thanh T4 vay số tiền gốc 5.000.000 đồng vào ngày 17/11/2020, phí dịch vụ là 500.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 23%/tháng. Bà T4 đã trả được 14 ngày gốc và lãi với số tiền 2.100.00 đồng (tiền gốc 1.750.000 đồng, tiền lãi hợp pháp 38.889 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 311.111 đồng); còn 3.250.000 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 811.111 đồng.

14. Bà Phạm Thị N2 vay của các đối tượng 02 lần:

-*Lần 1*: Ngày 13/9/2020, bà N2 vay số tiền gốc là 6.000.000 đồng, phí dịch vụ 600.000 đồng (trừ trực tiếp vào tiền vay, số tiền bà N2 thực nhận là 5.400.000 đồng), trả góp trong 27 ngày, trả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 50%/ tháng. Bà N2 đã trả xong gốc và lãi là 8.100.000 đồng (tiền gốc 6.000.000 đồng, tiền



lãi hợp pháp 90.000 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 2.010.000 đồng), tuy nhiên do thanh toán chậm nên bà N2 phải nộp thêm cho Hoàng Văn T số tiền là 700.000 đồng. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.310.000 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

-*Lần 2*: Giữa tháng 10/2020, bà N2 vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng, phí dịch vụ là 500.000 đồng, trả gốc và lãi 100.000 đồng/ngày, với mức lãi suất 70%/tháng. Bà N2 đã trả được 40 ngày tiền lãi với số tiền 4.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 111.111 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 3.888.889 đồng), còn lại 5.000.000 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 4.388.889 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho bà N2 vay là 11.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 50%-70%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 7.688.889 đồng.

15. Anh Vũ Anh T5 vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng vào ngày 25/9/2020, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 54%/tháng. Anh T5 đã trả xong tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.250.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 69.444 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 6.700.000 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 2.180.556 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

16. Bà Lê Thị Hoàng D1 vay của các đối tượng 02 lần:

- *Lần 1*: Ngày 07/8/2020, bà D1 vay số tiền gốc là 12.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày là 200.000 đồng, với mức lãi suất là 50%/tháng. Bà D1 đã trả toàn bộ số tiền gốc 12.000.000 đồng và 10 ngày lãi với số tiền là 2.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 173.333 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 1.826.667 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 1.826.667 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

- *Lần 2*: Ngày 24/8/2020, bà D1 vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng, phí dịch vụ là 2.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, trả gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 42%/tháng. Bà D1 đã trả xong tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 5.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 277.778 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 4.722.222 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 6.722.222 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho bà D1 vay là 32.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 42%-50%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 8.548.889 đồng.

17. Anh Nguyễn Văn H3, vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng vào ngày 24/11/2020, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 40%/tháng. Anh H3 đã trả góp được 3 ngày gốc và lãi với số tiền 3.000.000 đồng (tiền gốc 2.307.692 đồng, tiền lãi hợp pháp 33.333 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 658.974 đồng), còn lại 17.692.308 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 1.658.974 đồng.

18. Bà Trần Thị Kim L vay các đối tượng của 02 lần;

-*Lần 1*: Ngày 29/10/2020, bà L vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày là 100.000 đồng, với mức lãi suất là 60%/tháng. Bà L đã trả toàn bộ số tiền gốc 5.000.000 đồng và 30 ngày tiền lãi là 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 72.222 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 2.927.778 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 2.927.778 đồng.

-*Lần 2*: Ngày 3/11/2020, bà L vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 46%/tháng. Bà L đã trả xong tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 144.444 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 2.855.556 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 3.855.556 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho bà L vay là 15.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 46%-60%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 6.783.333 đồng.

19. Anh Mai Văn P vay của các đối tượng 03 lần:

- *Lần 1*: Ngày 21/8/2020, anh P vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng, không thu phí dịch vụ, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 35%/tháng. Anh P đã trả xong tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.500.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 72.222 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 1.427.778 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 1.427.778 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

- *Lần 2*: Giữa tháng 10/2020, anh P vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng, không thu phí dịch vụ, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 35%/tháng. Anh P đã trả xong tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.500.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 72.222 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 1.427.778 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 1.427.778 đồng.

-*Lần 3*: Đầu tháng 11/2020, anh P vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng, không thu phí dịch vụ, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 35%/tháng. Anh P đã trả góp được 23 ngày gốc và lãi với số tiền 5.750.000 đồng (tiền gốc 4.423.077 đồng, tiền lãi hợp pháp 63.889 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 1.263.034 đồng), còn lại 576.923 đồng nợ gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 1.263.034 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho anh P vay là 15.000.000 đồng, với mức lãi suất 40%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 4.118.590 đồng.

20. Chị Ninh Thị Lệ X vay của các đối tượng 03 lần:

-*Lần 1*: Ngày 30/8/2020, chị X vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, phí dịch vụ là 3.000.000 đồng, trả góp trong 26 ngày, trả gốc và lãi 1.500.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 46%/tháng. Chị X đã trả xong tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi 9.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 433.333 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 8.566.667 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 11.566.667 đồng (*Thái Quốc V không thu lợi trong lần này do V bắt đầu phạm tội từ tháng 10/2020*).

-*Lần 2*: Ngày 27/10/2020, chị X vay số tiền gốc là 25.000.000 đồng, phí dịch vụ là 2.000.000 đồng, trả góp trong 28 ngày, trả gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày, với mức lãi suất là 21%/tháng. Chị X đã trả xong tiền gốc 25.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 388.889 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 2.611.111 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 4.611.111 đồng.

-*Lần 3*: Ngày 29/10/2020, chị X vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày là 400.000 đồng, với mức lãi suất là 60%/tháng. Chị X đã trả đủ tiền gốc 20.000.000 đồng và 30 ngày tiền lãi là 12.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 333.333 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 11.666.667 đồng). Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 11.666.667 đồng.

-*Lần 4*: Ngày 5/11/2020, chị X vay số tiền gốc là 25.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày là 375.000 đồng, với mức lãi suất là 45%/ tháng. Chị X thanh toán được 20 ngày tiền lãi là 7.500.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 277.778 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 7.222.222 đồng); còn lại 25.000.000 đồng tiền nợ gốc chưa thanh toán. Số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là 7.222.222 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc các đối tượng cho chị X vay là 100.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 21% - 60%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 35.066.667 đồng.

Tổng số tiền gốc Hoàng Văn T và Thái Quốc V tham gia cho 20 người vay nói trên là 565.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 21% - 72%/tháng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 165.360.511 đồng. Trong đó, Thái Quốc V cùng tham gia sử dụng số tiền gốc là 402.000.000 đồng cho 17 người vay và thu lợi bất chính cùng với Hoàng Văn T là 107.887.730 đồng.

Trong vụ án này có đối tượng H4 và Y được D2 thuê làm công việc điện thoại tư vấn các khoản vay, mức lãi suất cho vay có vai trò giúp sức trong hoạt động cho vay. Quá trình điều tra xác định H4 giúp sức để các đối tượng thu lợi bất chính số tiền là 20.829.149 đồng, còn Y chưa tư vấn được khoản vay nào, đồng thời H4 và Y chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với H4 và Y.

Đối với các đối tượng D2 và B1, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tuy nhiên D2 không có mặt tại nơi cư trú, không rõ đang ở đâu, còn B1 chưa xác định nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt ra quyết định tách hành vi của D2 và B1 để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Cáo trạng số 147/CT-VKS ngày 18/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Hoàng Văn T và Thái Quốc V về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo, không có nội dung gì khác. Các bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng; không thắc mắc khiếu nại gì về các

quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo T xác định trong số tiền gốc cho vay, bị cáo có góp với D2 số tiền 15.000.000 đồng để cho vay và D2 chia tiền lãi cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với các bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hoàng Văn T và Thái Quốc V về tội danh, điều luật áp dụng theo cáo trạng số 147/CT-VKS ngày 18/6/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T và Thái Quốc V phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

*Về hình phạt:* Đề nghị:

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 24-30 tháng tù. Phạt bổ sung số tiền từ 40.000.000 đồng - 50.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Thái Quốc V từ 18-24 tháng tù. Phạt bổ sung số tiền từ 30.000.000 đồng - 40.000.000 đồng.

*Về biện pháp tư pháp:* Đề nghị:

- Buộc các bị cáo T và V liên đới nộp lại tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền phát sinh từ tội phạm là 427.289.000 đồng, bao gồm số tiền gốc mà các bị cáo sử dụng cho vay và đã được người vay trả cho các bị cáo là 420.161.711 đồng và số tiền lãi hợp pháp các bị cáo đã thu của những người vay là 7.127.778 đồng (được trừ vào số tiền 1.500.000 đồng mà cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo) nên cả hai bị cáo còn phải nộp số tiền còn lại là 427.287.500 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu từ người vay tiền là anh B, anh T1, chị V1, chị H, anh Q, chị N, bà D, anh N1, chị T3, anh K, anh H2, chị T4, chị N2, anh H3, anh P, chị X số tiền nợ gốc mà những người này vay nhưng chưa trả cho các bị cáo với tổng số tiền là 144.838.298 đồng. Đây là khoản tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho 20 người vay tiền nói trên với tổng số tiền là 165.360.511 đồng, cụ thể: trả lại cho anh Văn Thành B là 7.866.453 đồng, trả lại cho anh T1 số tiền 14.595.455 đồng, trả lại cho chị V1 số tiền 707.788 đồng, trả lại cho chị H số tiền 611.111 đồng, trả lại cho anh Q số tiền 6.057.937 đồng, trả lại cho chị T2 số tiền 3.855.556 đồng, trả lại cho chị N số tiền 8.988.889 đồng, trả lại cho bà D số tiền 3.870.635 đồng, trả lại cho anh N1 số tiền 2.844.615 đồng, trả lại cho chị T3 số tiền 15.459.829 đồng, trả lại cho anh K số tiền 1.109.000 đồng, trả lại cho anh H2 số tiền 26.154.861 đồng, trả lại cho chị T4 số tiền 811.111 đồng, trả lại cho chị N2 số tiền 7.688.889 đồng, trả lại cho anh T5 số tiền 2.180.556 đồng, trả lại cho anh H3 số tiền 1.658.974 đồng, trả lại cho chị L số tiền 6.783.333 đồng, trả lại cho anh P số tiền 4.118.590 đồng, trả lại cho chị X số tiền 35.066.667 đồng.

*Về xử lý vật chứng:* Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Cả hai bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, tất cả những người liên quan và người làm chứng là chị H4, chị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo T và bị cáo V tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020, các bị cáo Hoàng Văn T và Thái Quốc V đã sử dụng số tiền là 565.000.000 đồng cho 20 người dân trên địa bàn thành phố Đ vay tiền với mức lãi suất từ 21% -72%/tháng, tương ứng từ 252% - 864%/năm, cao hơn mức lãi suất vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 từ 12,6 đến 43,2 lần và thu lợi bất chính tổng số tiền là 165.360.511 đồng. Trong đó, bị cáo V cùng sử dụng số tiền gốc là 402.000.000 đồng cho 17 người vay và thu lợi bất chính cùng với bị cáo T số tiền là 107.887.730 đồng. Hành vi của bị cáo Hoàng Văn T và bị cáo Thái Quốc V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Trong vụ án này có đối tượng Doãn Thị H4, Huỳnh Thuỳ Y được Phạm Tuấn D2 thuê làm công việc điện thoại tư vấn các khoản vay, mức lãi suất cho vay có vai trò giúp sức trong hoạt động cho vay. Quá trình điều tra xác định H4 giúp sức để

các bị cáo thu lợi bất chính số tiền là 20.829.149 đồng, còn Y chưa tư vấn được khoản vay nào, bản thân H4 và Y chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Doãn Thị H4 và Huỳnh Thuỳ Y là đúng quy định.

[5]. Đối với Phạm Tuấn D2 và Vũ Huy B1, quá trình điều tra D2 không có mặt tại nơi cư trú, không rõ đang ở đâu, còn B1 chưa xác định nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt ra quyết định tách hành vi của D2 và B1 để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau là đúng quy định.

[6]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo. Bị cáo V có bố là ông Thái Hữu M và ông ngoại là ông Nguyễn Xuân L được tặng thưởng huân chương nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo V.

[7]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy, hiện nay hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Bản thân cả hai bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà cả hai bị cáo vẫn cố ý thực hiện là thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật của các bị cáo. Trong vụ án này, cả hai bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm mang tính giản đơn, cả hai cùng tham gia thực hiện với vai trò thực hành tích cực nên vai trò của hai bị cáo là ngang nhau. Tuy nhiên, bị cáo T có góp số tiền 15.000.000 đồng để cho vay, tham gia cho 20 người vay tiền và thực hiện thời gian dài hơn, thu lợi bất chính nhiều hơn so với bị cáo V nên cần xử phạt bị cáo T hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo V. Hành vi của hai bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tiền mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cần thiết cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo riêng đối với hai bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8]. Về hình phạt bổ sung: xét thấy hai bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo tương xứng với hành vi mà từng bị cáo thực hiện.

[9]. Về biện pháp tư pháp: Xét thấy:

[9.1]. Đối với số tiền gốc mà các bị cáo T và V sử dụng cho vay và đã được người vay trả là 420.161.711 đồng và số tiền lãi hợp pháp các bị cáo đã thu của những người vay là 7.127.778 đồng, tổng cộng là 427.289.000 đồng, đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc cả hai bị cáo liên đới nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước (được trừ vào số tiền 1.500.000 đồng mà cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo) nên cả hai bị cáo còn phải liên đới nộp lại số tiền còn lại là 427.287.500 đồng. (Trong đó bị cáo V cùng sử dụng số tiền gốc cho vay với bị cáo T là 264.287.500 đồng nên bị cáo V phải nộp lại 1/2 số tiền này là 132.143.750 đồng. Bị cáo T phải nộp lại số tiền 295.143.750 đồng).

[9.2]. Đối với tổng số tiền 144.838.298 đồng nợ gốc mà những người vay tiền chưa trả cho các bị cáo, đây là khoản tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên truy thu khoản tiền này từ những người vay tiền để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Cụ thể: Truy thu từ anh Văn Thành B số tiền 13.125.000 đồng; Truy thu từ anh Tạ Hữu T1 số tiền 24.545.455 đồng; Truy thu từ chị Đinh Thị V1 số tiền 3.208.333 đồng; Truy thu từ chị Chu Thị H số tiền 7.200.000 đồng; Truy thu từ anh Đinh Hữu Q số tiền 5.952.381 đồng; Truy thu từ chị Lê Thị Hồng N số tiền 7.916.667 đồng; Truy thu từ bà Lương Thị Hương D số tiền 1.142.857 đồng; Truy thu từ anh Nguyễn Hoài N1 số tiền 2.884.615 đồng; Truy thu từ chị Lò Thiều Mai T3 số tiền 4.615.385 đồng; Truy thu từ anh Nguyễn Đăng K số tiền 4.615.385 đồng; Truy thu từ anh Nguyễn Vũ H2 số tiền 17.968.750 đồng; Truy thu từ chị Trần Thị Thanh T4 số tiền 3.250.000 đồng; Truy thu từ chị Phạm Thị N2 số tiền 5.000.000 đồng; Truy thu từ anh Nguyễn Văn H3 số tiền 17.692.308 đồng; Truy thu từ anh Mai Văn P số tiền 576.923 đồng; Truy thu từ chị Ninh Thị Lệ X số tiền 25.000.000 đồng.

[7.3]. Đối với tổng số tiền là 165.360.511 đồng, bao gồm khoản tiền lãi vượt quá quy định và tiền phí dịch vụ, đây là khoản tiền các bị cáo thu lợi bất chính nên buộc bị cáo T và bị cáo V cùng có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người vay tiền, cụ thể:

- Bị cáo T trả lại cho chị Đào Lê Ngọc T2 số tiền 3.855.556 đồng; trả lại cho anh Vũ Anh T5 số tiền 2.180.556 đồng và trả lại cho chị Lê Thị Hoàng D1 số tiền 8.548.889 đồng;

- Cả hai bị cáo T và V cùng có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Văn Thành B số tiền 7.866.453 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền), trả lại cho anh Tạ Hữu T1 số tiền 14.595.455 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền), trả lại cho chị Đinh Thị V1 số tiền 707.788 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền), trả lại cho chị Chu Thị H số tiền 611.111 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền); trả lại cho anh Đinh Hữu Q số tiền 6.057.937 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền); trả lại cho chị Lê Thị Hồng N số tiền 8.988.889 đồng (bị cáo T trả 5.927.778 đồng, bị cáo V trả 3.061.111 đồng), trả lại cho bà Lương Thị Hương D số tiền 3.870.635 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền), trả lại cho anh Nguyễn Hoài N1 số tiền 8.715.171 đồng (bị cáo T trả 6.285.364 đồng, bị cáo V trả 2.429.807 đồng), trả lại cho

chị Lò Thiều Mai T3 số tiền 15.459.829 đồng (bị cáo T trả 9.407.693 đồng, bị cáo V trả 6.052.136 đồng), trả lại cho anh Nguyễn Đăng K số tiền 1.109.000 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền), trả lại cho anh Nguyễn Vũ H2 số tiền 26.154.861 đồng (bị cáo T trả 21.330.209 đồng, bị cáo V trả 4.824.652 đồng), trả lại cho chị Trần Thị Thanh T4 số tiền 811.111 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền); trả lại cho chị Phạm Thị N2 số tiền 7.688.889 đồng (bị cáo T trả 5.499.446 đồng, bị cáo V trả 2.189.444 đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn H3 số tiền 1.658.974 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền), trả lại cho chị Trần Thị Mai L số tiền 6.783.333 đồng (mỗi bị cáo trả  $\frac{1}{2}$  số tiền), trả lại cho anh Mai Văn P số tiền 4.118.590 đồng (bị cáo T trả 2.773.184 đồng, bị cáo V trả 1.345.406 đồng), trả lại cho chị Ninh Thị Lệ X số tiền 35.066.667 đồng (bị cáo T trả 23.316.667 đồng, bị cáo V trả 11.750.000 đồng).

[10]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 có gắn sim số 0917.405.904; 06 (sáu) điện thoại di động hiệu Forme màu đen và màu đỏ; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam; 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 1202 màu đen là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX màu vàng thu giữ của bị cáo T, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) căn cước công dân; 01 (một) thẻ ngân hàng V số 970436862063784.... và 01 (một) thẻ ngân hàng A số 970416246870.... tên Hoàng Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T nên trả lại cho bị cáo T.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen thu giữ của bị cáo V, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) căn cước công dân và 01 (một) thẻ ngân hàng M số 970422206467.... tên Thái Quốc V không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo V nên trả lại cho bị cáo V.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: các bị cáo Hoàng Văn T và Thái Quốc V phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Hoàng Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành



hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2020. Phạt bổ sung Hoàng Văn T số tiền 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Thái Quốc V 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2020. Phạt bổ sung Thái Quốc V số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Về biện pháp tư pháp:

3.1.1. Buộc bị cáo Hoàng Văn T và bị cáo Thái Quốc V liên đới nộp lại tổng số tiền 427.289.000 (*bốn trăm hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi chín nghìn*) đồng (bao gồm số tiền gốc mà các bị cáo sử dụng vào việc cho vay và đã được người vay trả là 420.161.711 đồng và số tiền lãi hợp pháp các bị cáo đã thu của những người vay là 7.127.778 đồng) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước (được căn trừ vào số tiền 1.500.000 đồng mà Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã thu giữ của hai bị cáo theo Giấy nộp tiền ngày 16/7/2021 của Công an thành phố Đà Lạt vào tài khoản số 3949.0.1078623.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ mở tại kho bạc tỉnh Lâm Đồng) nên cả hai bị cáo T và V còn phải liên đới nộp số tiền còn lại là 427.287.500 (*bốn trăm hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng (Trong đó, bị cáo T nộp lại số tiền 295.143.750 (*hai trăm chín mươi lăm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi*) đồng; bị cáo V nộp lại số tiền 132.143.750 (*một trăm ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi*) đồng).

3.1.2. Truy thu từ những người vay tiền tổng số tiền 144.838.298 đồng nợ gốc mà những người vay tiền chưa trả cho các bị cáo, cụ thể:

- Truy thu từ anh Văn Thành B số tiền 13.125.000 (*mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Truy thu từ anh Tạ Hữu T số tiền 24.545.455 (*hai mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi lăm*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Truy thu từ chị Đinh Thị V số tiền 3.208.333 (*ba triệu hai trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Truy thu từ chị Chu Thị H số tiền 7.200.000 (*bảy triệu hai trăm nghìn*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Truy thu từ anh Đinh Hữu Q số tiền 5.952.381 (*năm triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm tám mươi một*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Truy thu từ chị Lê Thị Hồng N số tiền 7.916.667 (*bảy triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Truy thu từ bà Lương Thị Hương D số tiền 1.142.857 (*một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm năm mươi bảy*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;
- Truy thu từ anh Nguyễn Hoài N1 số tiền 2.884.615 (*hai triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm mười lăm*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;
- Truy thu từ chị Lò Thiều Mai T3 số tiền 4.615.385 (*bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn ba trăm tám mươi lăm*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;
- Truy thu từ anh Nguyễn Đăng K số tiền 4.615.385 (*bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn ba trăm tám mươi lăm*) đồng;
- Truy thu từ anh Nguyễn Vũ H2 số tiền 17.968.750 (*mười bảy triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;
- Truy thu từ chị Trần Thị Thanh T4 số tiền 3.250.000 (*ba triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;
- Truy thu từ chị Phạm Thị N2 số tiền 5.000.000 (*năm triệu*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;
- Truy thu từ anh Nguyễn Văn H3 số tiền 17.692.308 (*mười bảy triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn ba trăm lẻ tám*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;
- Truy thu từ anh Mai Văn P số tiền 576.923 (*năm trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi ba*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;
- Truy thu từ chị Ninh Thị Lệ X số tiền 25.000.000 (*hai mươi lăm triệu*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

3.1.3. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T và bị cáo Thái Quốc V có trách nhiệm liên đới trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho những người vay tiền với tổng số tiền là 165.360.511 đồng, cụ thể:

- Trả lại cho anh Văn Thành B số tiền 7.866.453 (*bảy triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi ba*) đồng (mỗi bị cáo trả 3.933.226 đồng);
- Trả lại cho anh Tạ Hữu T1 số tiền 14.595.455 (*mười bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm năm lăm*) đồng (mỗi bị cáo trả 7.297.727 đồng);
- Trả lại cho chị Đinh Thị V1 số tiền 707.788 (*bảy trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm tám mươi tám*) đồng (mỗi bị cáo trả 353.894 đồng);
- Trả lại cho chị Chu Thị H số tiền 611.111 (*sáu trăm mười một nghìn một trăm mười một*) đồng (mỗi bị cáo trả 305.555 đồng);
- Trả lại cho anh Đinh Hữu Q số tiền 6.057.937 (*Sáu triệu không trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi bảy*) đồng (mỗi bị cáo trả 3.028.968 đồng);
- Trả lại cho chị Lê Thị Hồng N số tiền 8.988.889 (*tám triệu chín trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín*) đồng (bị cáo T trả 5.927.778 đồng, bị cáo V trả 3.061.111 đồng);

- Trả lại cho bà Lương Thị Hương D số tiền 3.870.635 *ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn sáu trăm ba mươi lăm* đồng (mỗi bị cáo trả 1.935.317 đồng);
- Trả lại cho anh Nguyễn Hoài N1 số tiền 8.715.171 *(tám triệu bảy trăm mười lăm nghìn một trăm bảy mươi một)* đồng (bị cáo T trả 6.285.364 đồng, bị cáo V trả 2.429.807 đồng);
- Trả lại cho chị Lò Thiều Mai T3 số tiền 15.459.829 *(mười lăm triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn tám trăm hai mươi chín)* đồng (bị cáo T trả 9.407.693 đồng, bị cáo V trả 6.052.136 đồng);
- Trả lại cho anh Nguyễn Đăng K số tiền 1.109.000 *(một triệu một trăm lẻ chín nghìn)* đồng (mỗi bị cáo trả 554.500 đồng);
- Trả lại cho anh Nguyễn Vũ H2 số tiền 26.154.861 *(hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi một)* đồng (bị cáo T trả 21.330.209 đồng, bị cáo V trả 4.824.652 đồng);
- Trả lại cho chị Trần Thị Thanh T4 số tiền 811.111 *(tám trăm mười một nghìn một trăm mười một)* đồng (mỗi bị cáo trả 405.555 đồng);
- Trả lại cho chị Phạm Thị N2 số tiền 7.688.889 *(bảy triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín)* đồng (bị cáo T trả 5.499.446 đồng, bị cáo V trả 2.189.444 đồng);
- Trả lại cho anh Nguyễn Văn H3 số tiền 1.658.974 *(một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi bốn)* đồng (mỗi bị cáo trả 829.487 đồng);
- Trả lại cho chị Trần Thị Mai L số tiền 6.783.333 *(sáu triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba)* đồng (mỗi bị cáo trả 3.391.666 đồng);
- Trả lại cho anh Mai Văn P số tiền 4.118.590 *(bốn triệu một trăm mười tám nghìn năm trăm chín mươi)* đồng (bị cáo T trả 2.773.184 đồng, bị cáo V trả 1.345.406 đồng);
- Trả lại cho chị Ninh Thị Lệ X số tiền 35.066.667 *(ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy)* đồng (bị cáo T trả 23.316.667 đồng, bị cáo V trả 11.750.000 đồng).
- Bị cáo Hoàng Văn T có trách nhiệm trả lại cho chị Đào Lê Ngọc T2 số tiền 3.855.556 *(ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu)* đồng; trả lại cho anh Vũ Anh T5 số tiền 2.180.556 *(hai triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu)* đồng; trả lại cho chị Lê Thị Hoàng D1 số tiền 8.548.889 *(tám triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín)* đồng.

### 3.2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen - Imei: 355315088965093; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu cam - Imei: 355862017148408; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 số seri 357382046217783 có gắn sim số 0917.405.904; 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 1202 màu đen – Imei: 357418/04/487418/1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu đen - số

Imei: 35454010097781; 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu đen - số Iimei: 354540100973749; 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu đen - số Iimei: 354540100978706; 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu đỏ - số Iimei: 354540101010103; 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu đỏ - số Iimei: 354540101008800; 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu đỏ - số Iimei: 354540101008628;

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX màu vàng - Iimei: 357265096702996 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Thái Quốc V 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen - Iimei: 353050095090203 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 (một) căn cước công dân tên Hoàng Văn T; 01 (một) thẻ ngân hàng V số 970436862063784.... tên Hoàng Văn T; 01 (một) thẻ ngân hàng A số 970416246870.... tên Hoàng Văn T

- Trả lại cho bị cáo Thái Quốc V 01 (một) căn cước công dân tên Thái Quốc V; 01 (một) thẻ ngân hàng M số 970422206467.... tên Thái Quốc V.

*(Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).*

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T và bị cáo V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Lê Thị Lệ Quyên**